

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/DS-PT

Ngày 26/6/2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hằng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Các Th;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Minh H;

Địa chỉ: Số 31, Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Quốc H1;

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Trần Minh H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Các Th trình bày:

Bà có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị T (vợ ông Trần Minh H) làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Khui ngày 26/9/2022 âm lịch, có 25 phần, mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 26 âm lịch, bà tham gia 02 phần, đã mở hụi 20 kỳ, bà đã đóng hụi đầy đủ cho bà T 20 kỳ, với tổng số tiền là 57.130.000 đồng, trong đó bà có nhờ ông Dương Quốc H1 chuyển khoản đóng tiền hụi giúp cho bà, ông H1 đã chuyển khoản đóng hụi dùm bà vào tài khoản của ông Trần Minh H là 48.660.000 đồng và đóng bằng tiền mặt là 8.470.000 đồng.

Dây hụi 2: Khui ngày 22/10/2022 âm lịch, có 25 phần, mỗi tháng khui hụi một lần vào ngày 22 âm lịch, bà tham gia 01 phần, đã mở hụi 19 kỳ, bà cũng đã đóng hụi đầy đủ cho bà T 19 kỳ, với tổng số tiền là 26.370.000 đồng, trong đó bà có nhờ ông Dương Quốc H1 chuyển khoản đóng tiền hụi giúp cho bà, ông H1 đã chuyển khoản đóng hụi dùm bà vào tài khoản của ông Trần Minh H là 22.240.000 đồng và đóng bằng tiền mặt là 4.130.000 đồng.

Bà T là chủ hụi, nghe nói bị bể hụi nên bà T đã tự tử chết. Sau khi bà T chết, bà có điện thoại liên hệ với ông H hỏi là có tiếp tục khui hụi nữa không thì ông H nói ngưng lại hết các dây hụi, nhưng sau đó ông H không đồng ý gửi trả tiền hụi lại cho bà.

Theo đơn kiện, bà yêu cầu ông H trả cho bà số tiền hụi các kỳ hụi mà bà đã đóng cho bà T, tổng số tiền 02 dây hụi là 118.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 47.100.000 đồng, chỉ đòi ông H trả lại số tiền mà bà đã nhờ ông H1 chuyển khoản vào số tài khoản của ông H tổng cộng 70.900.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị T (vợ ông), chết năm 2024, làm chủ hụi ở địa phương, việc vợ ông mở hụi và khui hụi với những người chơi hụi như thế nào, những ai tham gia chơi hụi của vợ ông thì ông cũng không biết, sổ sách giấy tờ vợ ông có giữ hay không ông không biết. Bà Th yêu cầu ông trả tiền hụi là ông không đồng ý, vì ông không có đứng ra khui hụi hay mở hụi cho ai hết. Việc bà Th cho rằng có chuyển khoản tiền hụi vô số tài khoản tên ông, ông cũng không biết, vì thẻ của ông mở nhưng vợ ông sử dụng, quản lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc H1 trình bày:

Ông có dùng tài khoản ngân hàng đứng tên ông chuyển khoản đóng tiền hụi dùm cho bà Hà Thị Các Th. Số tiền ông chuyển khoản vào số tài khoản của ông Trần Minh H tại Sacombank đều là tiền của bà Th, bà Th nhờ ông chuyển khoản đóng tiền hụi dùm. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền chuyển khoản cho ông H, để cho bà Th toàn quyền yêu cầu.

Tại Bản án số 20/2025/DS-ST ngày 25/02/2025, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm

2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Các Th, về việc yêu cầu ông Trần Minh H trả tiền. Buộc ông Trần Minh H có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Các Th số tiền tổng cộng là 70.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hà Thị Các Th thì hàng tháng, ông Trần Minh H còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 47.100.000 đồng mà bà Hà Thị Các Th đã rút lại yêu cầu đối với ông Trần Minh H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 17/3/2025, ông H có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Th không rút đơn khởi kiện, ông H không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh H đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Bà Th cho rằng bà có tham gia 02 dây hui do bà Nguyễn Thị T (vợ ông Trần Minh H) làm chủ hui, cụ thể dây hui khai ngày 26/9/2022 âm lịch, bà

tham gia 02 phần, bà đã đóng hụi được 20 lần với số tiền 57.130.000 đồng, bằng cách nhờ ông Dương Quốc H1 chuyển khoản vào tài khoản ông H 48.660.000 đồng và đưa tiền mặt 8.470.000 đồng và đây hụi khai ngày 22/10/2022 âm lịch, bà tham gia 01 phần, bà đã đóng hụi được 19 lần với số tiền 26.370.000 đồng bằng cách cũng nhờ ông H1 chuyển khoản vào tài khoản ông H 22.240.000 đồng và đưa tiền mặt 4.130.000 đồng. Đến năm 2024, bà T chết, ông H không đồng ý gửi trả tiền hụi nên bà mới khởi kiện yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền hụi còn thiếu tổng cộng 118.800.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận vợ ông có làm chủ hụi ở địa phương nhưng vợ ông chết, việc mở hụi, khai hụi, ai tham gia chơi hụi như thế nào, sổ sách vợ ông có giữ hay không thì ông không biết, tài khoản tại ngân hàng mang tên ông nhưng vợ ông quản lý, sử dụng nên ông không đồng ý trả tiền hụi cho bà Th.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 47.100.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ yêu cầu ông H trả tiền hụi thành yêu cầu đòi ông H trả lại số tiền mà bà đã nhờ ông H1 chuyển khoản đóng hụi vào tài khoản của ông H tại ngân hàng tổng cộng 70.900.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Th, về việc yêu cầu ông H trả số tiền hụi 47.100.000 đồng, đồng thời chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Th từ yêu cầu ông H trả tiền hụi thành yêu cầu đòi ông H lại số tiền 70.900.000 đồng mà bà đã nhờ ông H1 chuyển vào tài khoản của ông H là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Th cung cấp (bút lục 08-24), ông H1 có chuyển tiền vào tài khoản của ông H mở tại Sacombank nhiều lần tổng cộng 70.900.000 đồng. Ông H1 cũng thừa nhận số tiền này là ông chuyển dùm cho bà Th. Ông H cho rằng việc làm chủ hụi của vợ ông là ông không biết, nhưng tiền lại chuyển vào tài khoản của ông. Như vậy, ông là người chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật. Khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc ông H trả lại cho bà Th số tiền 70.900.000 đồng là có căn cứ.

[7] Ông H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh H.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Các Th, về việc yêu cầu ông Trần Minh H trả tiền hụi 47.100.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Các Th, về việc yêu ông Trần Minh H trả lại tài sản (tiền). Buộc ông Trần Minh H có nghĩa vụ trả lại cho bà Hà Thị Các Th số tiền 70.900.000 đồng (Bảy mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hà Thị Các Th thì hàng tháng, ông Trần Minh H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hà Thị Các Th không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007241 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trần Minh H phải chịu là 3.545.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Minh H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009810 ngày 17

tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Ngã Năm;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm